

Bản án: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15-01-2020
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tài

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ghên.
2. Bà Nguyễn Thị Rạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Quân - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Trong ngày 15 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1164/2019/TLST-HNGĐ, ngày 04/12/2019 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08/01/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Bùi Thị T, sinh năm 1973, (vắng mặt).
 2. *Bị đơn:* Ông Hồ Ngọc H, sinh năm 1962, (vắng mặt)
- Địa chỉ: Cùmg Ấp 1, xã Đ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2019 của Bà Bùi Thị T tóm tắt như sau:

Bà và ông Hồ Ngọc H có tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân, được hai bên tổ chức lễ cưới hồi năm 2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An ngày 23/01/2015. Thời gian đầu vợ chồng sống chung hạnh phúc cho đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, bà và ông H ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và cũng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với ông Hồ Ngọc H.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng chung sống có 01 con chung tên Hồ Bùi Tấn Đ, sinh ngày 28/7/2001, đã trưởng thành.

Về tài sản chung: Bà T xác định, bà và ông H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông H không có nợ chung không yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bị đơn ông Hồ Ngọc H được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ông H có đơn xin vắng mặt và theo bản tự khai của ông H ông đồng ý ly hôn với bà T cũng như ông chấp nhận theo yêu cầu của bà T về con chung tài sản chung và nợ chung theo bà

T yêu cầu. Mặc dù, ông H đồng ý thuận tình ly hôn với bà T cũng như về con chung, tài sản chung và nợ chung như bà T yêu cầu. Căn cứ vào đơn xin xét xử vắng mặt của ông H và bà T. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở biên bản tự khai của các đương sự, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T và ông Hồ Ngọc H cưới nhau vào năm 2000, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 23/01/2015 (số 117/2015) nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông H được pháp luật thừa nhận là hợp pháp từ thời điểm đăng ký kết hôn.

Bà T cho rằng cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc là do ông H không quan tâm chăm sóc gia đình nên mới xin ly hôn. Ông H được tổng đạt hợp lệ các văn bản của Tòa án thể hiện việc bà T yêu cầu xin ly hôn với ông tại Tòa án nhưng ông H đến Tòa án để tham gia hòa giải về tình cảm ông và Bà T.

Tại bản tự khai ngày 02/01/2020 của ông H đồng ý ly hôn với bà T. Điều đó, chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông H và bà T đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 luật hôn nhân gia đình chấp nhận theo yêu cầu của Bà T.

[3] Về quyền nuôi con chung: Xét thấy các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận là con chung tên Hồ Bùi Tấn Đ, sinh ngày 28/7/2001 đã trưởng thành. Bà T và ông H thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến xem xét giải quyết về quyền nuôi con chung và cấp dưỡng cho con chung.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông H thống nhất xác định tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập xem xét đến tài sản chung và nợ chung của bà T và ông H.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Bùi Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28 Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị T đối với ông Hồ Ngọc H về việc “Ly hôn”
Về hôn nhân: Bà Bùi Thị T được ly hôn với ông Hồ Ngọc H.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, sung ngân sách Nhà nước, được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0003987, ngày 02/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hoà, tỉnh Long An để thi hành.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án, nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án.

“Trường hợp bản án hoặc quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án là 05 năm theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An
- VKSND huyện Đức Hòa
- Chi cục Thi hành án.
- UBND xã Đức Hòa Đông
- Đường sự;
- Lưu HS, án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tài